

Số:

Gia Nghĩa, ngày

KẾ HOẠCH
Trồng rừng trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, giai đoạn 2021 – 2025

Căn cứ Công văn số 1687/SNN-KL ngày 25/7/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông về việc rà soát quỹ đất xây dựng kế hoạch trồng rừng năm 2019 và giai đoạn 5 năm.

UBND thị xã Gia Nghĩa xây dựng Kế hoạch trồng rừng trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Nhằm chủ động trong công tác chuẩn bị, huy động các nguồn lực cho công tác trồng rừng trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2021 – 2025 góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Rà soát cụ thể diện tích trồng rừng, loài cây trồng và khu vực trồng để có những giải pháp cụ thể trong công tác tổ chức trồng rừng; chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng sau khi trồng đạt hiệu quả nhằm phát triển diện tích rừng trên địa bàn thị xã.

- Tạo thuận lợi trong công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo tiến độ thực hiện trong công tác trồng rừng hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa.

2. Yêu cầu:

- Xây dựng kế hoạch trồng rừng trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2021 – 2025 và kế hoạch trồng rừng hàng năm phải đảm bảo đúng các quy định đã được xây dựng trong hồ sơ thiết kế và dự toán trồng rừng được thẩm định, phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch phải đảm bảo chi tiết về thời gian, địa điểm, tiến độ triển khai công tác triển khai trồng rừng giai đoạn 2021 – 2025 và phương án trồng rừng hàng năm.

- Xác định các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội từng địa phương nhằm đảm bảo diện tích rừng sau khi trồng được bảo vệ, sinh trưởng phát triển ổn định, tăng diện tích rừng trồng và độ che phủ của rừng trên địa bàn thị xã.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH-14, ngày 15/11/2017;
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;
- Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Đắk Nông;
- Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Đắk Nông.
- Quyết định số 74/QĐ-SNN ngày 18/2/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông về việc công bố hiện trạng rừng của tỉnh Đắk Nông năm 2018.

2. Hiện trạng và đất lâm nghiệp trên địa bàn thị xã:

2.1. Phân loại theo chức năng rừng:

Phân loại rừng	Tổng diện tích	Thuộc 3 loại rừng - Quy hoạch cho lâm nghiệp			Ngoài quy hoạch
		Tổng	Phòng hộ	Sản xuất	
TỔNG DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	4.701,07	3.769,6	3.139,8	629,9	931,47
I. DIỆN TÍCH ĐẤT CÓ RỪNG	1.878,60	947,13	566,05	381,08	931,47
1. Rừng tự nhiên	922,24	902,48	540,67	361,81	19,76
2. Rừng trồng	956,36	44,65	25,38	19,27	911,71
II. ĐẤT CHƯA CÓ RỪNG	2.822,47	2.822,47	2.573,75	248,82	

2.2. Phân loại theo chủ quản lý:

Loại đất, loại rừng	Tổng diện tích đất lâm nghiệp	Hiện trạng diện tích đất lâm nghiệp phân theo chủ quản lý (theo Quyết định số 74/QĐ-SNN ngày 18/02/2019 của Sở NN&PTNT)				
		Ban QLR PH, ĐD	UBND xã, phường trực tiếp quản lý	Cộng đồng	Hộ GD	Chủ thể khác
Đất quy hoạch cho lâm nghiệp	4.701,07	3.002,73	1.554,67	-	7,94	135,73
I. Đất có rừng	1.878,6	565,89	1.306,32		6,23	0,16
1. Rừng tự nhiên	922,24	540,67	381,57	-	0	0
2. Rừng trồng	956,36	25,22	924,75	-	6,23	0,16
II. Đất chưa có rừng	2.822,47	2.436,84	248,35		1,71	135,57

2.3. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã quản lý:

Stt	Xã, phường	Hiện trạng diện tích đất đai phân theo chủ quản lý (theo Quyết định số 74/QĐ-SNN ngày 18/02/2019 của Sở NN&PTNT)				Diện tích rừng đã trồng nhưng chưa thành rừng
		Cộng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Chưa có rừng	
1	Xã Đăk Nia	442,60	316,43	11,61	114,56	
2	Xã Đăk R'Moan	123,80	8,39	1,47	113,94	106,95
3	Xã Quảng Thành	154,50	49,81	4,83	99,86	0,86
4	Phường Nghĩa Tân	36,20	11,81	1,52	22,88	18,16
8	Phường Nghĩa Phú	11,70	0,0	0,0	11,70	11,72
	Tổng cộng	768,80	386,44	19,43	362,94	138,4

3. Kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa:

- Kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2021 – 2025: Phần đầu trồng khoảng 149,82 ha rừng các loại, cụ thể như sau:

Stt	Tên xã, phường	Khối lượng chia theo năm					Tổng
		2021	2022	2023	2024	2025	
1	Xã Đăk R'Moan	3,99	3,0	-	-	-	6,99
2	Xã Đăk Nia	15,0	15,0	15,56	15,0	14,0	74,56
3	Xã Quảng Thành	10,0	15,0	15,0	14,0	10,0	64,0
4	Phường Nghĩa Tân	2,27	2,0	-	-	-	4,27
	Tổng	31,26	35,0	30,56	29,0	24,0	149,82

- Kế hoạch trồng cây phân tán giai đoạn 2021 - 2025: 20.000 – 30.000 cây.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp kỹ thuật:

- Hiện trường phục vụ trồng rừng: Rà soát quỹ đất, xử lý thực bì, đào hố, lấp hố, phân bón và các biện pháp kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng.

- Cây giống trồng rừng: Phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định.

- Tập trung mọi nguồn lực để triển khai công tác trồng rừng giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch trồng rừng hàng năm kịp mùa vụ, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

- Thời vụ trồng rừng: Vào đầu mùa mưa (khoảng tháng 6 hàng năm) và kết thúc vào khoảng tháng 9 - 10 hàng năm. Tùy theo điều kiện thời tiết từng năm các đơn vị được giao trồng rừng xây dựng kế hoạch cho phù hợp.

2. Giải pháp về đất đai:

Quỹ đất đưa vào trồng rừng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của thị xã Gia Nghĩa, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Đắk Nông, không có tranh chấp.

3. Giải pháp về vốn đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Nguồn vốn để triển khai thực hiện Kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Căn cứ theo quy mô thực hiện trồng rừng giai đoạn 2021 – 2025 và kế hoạch trồng rừng hàng năm, chủ rừng bố trí nguồn nhân lực để tổ chức trồng rừng kịp tiến độ và mùa vụ đảm bảo rừng sau khi trồng sinh trưởng phát triển tốt. Ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực của địa phương nhằm nâng cao ý thức bảo vệ và phát triển rừng của người dân địa phương.

4. Thời gian thực hiện:

- Rà soát quỹ đất trồng rừng: Từ tháng 1 - 5 hàng năm.

- Xây dựng hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh phục vụ cho công tác trồng rừng trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Văn bản có liên quan.

- Triển khai thực hiện trồng rừng: Vào đầu mùa mưa (khoảng tháng 6 hàng năm) và kết thúc vào khoảng tháng 9 - 10 hàng năm. Tùy theo điều kiện thời tiết từng năm các đơn vị được giao trồng rừng xây dựng kế hoạch cho phù hợp.

- Kiểm tra, đôn đốc tiến độ trồng rừng và tổng hợp báo cáo tiến độ trồng rừng: Được thực hiện thường xuyên sau khi hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng được phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao cho Hạt Kiểm lâm thị xã:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường triển khai thực hiện kế hoạch và xây dựng kế hoạch trồng rừng cho từng năm; đề xuất biện pháp xử lý và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND thị xã những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường (có rừng) triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Hướng dẫn kỹ thuật trồng, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện về UBND thị xã theo định kỳ hàng năm.

2. Giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND thị xã bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện công tác trồng rừng trên địa bàn thị xã theo đúng quy định; đồng thời hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

3. Giao cho phòng Kinh tế thị xã:

Phối hợp với Hạt Kiểm lâm thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa. Tham mưu kịp thời cho UBND thị xã chỉ đạo trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

4. Giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường (có rừng):

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn quản lý; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; kiến nghị, đề xuất của địa phương trong việc thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia trồng rừng (cây phân tán) tại những nơi đất trống quanh nhà, quanh vườn, ven đường liên thôn, liên xã, tổ dân phố, khu vực đất trống chưa sử dụng phù hợp với quy hoạch, đất trống dọc bờ kênh mương, sông, suối,...

5. Đề nghị UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể thị xã:

Tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia trồng cây xanh các loại tại những nơi đất trống quanh nhà, quanh vườn, đất trống dọc bờ kênh mương, sông, suối,... nhằm góp phần tăng độ che phủ rừng của thị xã.

6. Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa:

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của UBND thị xã trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đặc biệt trong công tác triển khai thực hiện các Kế hoạch trồng rừng trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa.

Trên đây là Kế hoạch trồng rừng trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2021-2025 của UBND thị xã Gia Nghĩa, yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chi cục Kiểm lâm (b/c);
- TT. Thị ủy (b/c);
- CT, PCT UBND thị xã;
- Hạt Kiểm lâm thị xã;
- Các phòng; Kinh tế, TC-KH;
- UBND các xã, phường;
- Ban QLRPH Gia Nghĩa (p/h);
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Lưu: VT, KT (Đ: 01).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dũng